

Bản án số: 374/2026/DS-PT

Ngày: 22 - 5 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2026/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau bị kháng cáo.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1988. Căn cước công dân số 096188016446.

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Biên T1, sinh năm: 1962 (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2025, có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số F, Q, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Tô Thanh T2; Sinh năm: 1985. Căn cước công dân số 096185020378 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số E, đường L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của chị T2: Bà Bùi Thanh H, sinh ngày 10/09/1988 (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2026, có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số A - T, Phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hứa Thanh K, sinh năm 1973. Căn cước công dân số 096073002919 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Shop thể thao K2 - đường Đ, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau

Người kháng cáo: Bà Tô Thanh T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Trần Biên T1 trình bày: Vào năm 2021, bà T có cho bà T2 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận lãi suất 2%/năm nhưng không ghi vào biên nhận, thời hạn trả không có thỏa thuận, có làm giấy biên nhận ngày 18/7/2021. Tuy nhiên, giữa bà T2 và bà T không có quen biết nhau, bà T cho bà T2 vay là thông qua ông Hứa Thanh K là cậu của bà T. Do bà T2 làm chung cơ quan với ông K nên ông K có nói với bà T là bà T2 có nhu cầu vay tiền, lúc này bà T có tiền nên đưa cho ông K cho bà T2 vay. Số tiền 200.000.000 đồng là ông K giao cho bà T2, giao tiền mặt. Đến ngày 20/8/2021, ông K có nhắn tin yêu cầu bà T2 trả nợ nhưng bà T2 không trả cho đến nay.

Từ lúc vay tiền đến nay bà T2 không trả vốn, lãi. Do đó, bà T yêu cầu bà T2 trả số vốn 200.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 21/7/2021 đến ngày khởi kiện là ngày 17/9/2025. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm trả 10%/năm kể từ ngày 20/8/2021 đến ngày khởi kiện là ngày 17/9/2025 tổng cộng là 48 tháng 26 ngày x 200.000.000 đồng x 10%/năm bằng số tiền 80.500.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu làm tròn số là 80.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 280.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa bị đơn chị T2 trình bày như sau: Năm 2019 bà có vay tiền của ông Hứa Thanh K làm chung cơ quan với chị, vay hai lần số tiền 500.000.000 đồng, lãi đã trả là 86.000.000 đồng. Đến năm 2021 do chị nợ không có tiền trả nên chị giao nhà cho ông K để trừ nợ. Đến thời điểm tháng 7/2021 là chị trả dứt điểm khoản tiền vốn 300.000.000 đồng cho ông K đối với khoản vay năm 2019. Còn lại số tiền lãi là 200.000.000 đồng không có tiền trả nên ông K yêu cầu chị ghi biên nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 18/7/2021 mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện chị. Biên nhận này do chị viết và ký tên nhưng nội dung là do ông K đọc cho chị viết, do thời điểm này vẫn còn nợ ông K tiền lãi nên ông K đọc sao chị ghi vậy, thực chất chị không biết chị T là ai và cũng không có nhận từ chị T hoặc ông K số tiền 200.000.000 đồng. Nội dung này có thể hiện qua những tin nhắn giữa chị và ông K, chị đã cung cấp cho Tòa. Do đó, chị không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thanh K trình bày: Vào năm 2019, ông và vợ ông là bà Nguyễn Ngọc Lan H1 có cho bà Tô Thanh T2 vay tiền hai lần. Các lần vay này bà T2 đã thanh toán cho ông xong. Đến ngày 18/7/2021, bà T2 có đến gặp ông và nói khó khăn nên cần vay tiền. Lúc này, cháu ông là bà Nguyễn Thị Huyền T có tiền nên ông hỏi bà T cho bà T2 vay thì bà T đồng ý. Do đó, ông lấy 200.000.000 đồng từ bà T cho bà T2 vay, khi đưa tiền cho bà T2 ông có nói rõ với bà T2 đây là tiền của cháu ông là bà Nguyễn Thị Huyền T, bà T2 đồng ý và viết biên nhận là có mượn tiền của bà T 200.000.000 đồng, biên nhận viết vào ngày 18/7/2021, lãi suất không có ghi vào biên nhận nhưng hai bên có thỏa thuận là 2%/tháng. Đối với số tiền này đến nay bà T2 chưa trả vốn,

lãi mặc dù ông có yêu cầu nhiều lần nhưng bà T2 vẫn không trả.

Ông xác định đây là tiền của bà T cho bà T2 vay chứ không phải tiền của ông nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này, chỉ có ý kiến là yêu cầu bà T2 trả số tiền này cho bà T theo như biên nhận bà T2 đã ký. Do đó, ông không yêu cầu hòa giải lại và xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền Trân

Buộc bị đơn bà Tô Thanh T2 thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T số tiền vay tổng cộng vốn và lãi là 280.000.000 đồng (*hai trăm tám mươi triệu đồng*), trong đó vốn là 200.000.000 đồng, lãi là 80.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/01/2026, chị Tô Thanh T2 có đơn kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do chưa làm rõ bản chất thực tế của việc vay tài sản, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn chị Tô Thanh T2, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ án sơ thẩm. Bởi lẽ, nguyên đơn khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng là không có tư cách khởi kiện, do bị đơn chỉ vay tiền của ông K nên ông K là người có thẩm quyền khởi kiện. Bị đơn chỉ có quen biết, vay tiền của ông Hứa Thanh K và đã thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc. Việc ông Hứa Thanh K yêu cầu chị ghi biên nhận tiền lãi dưới hình thức mượn tiền của chị Nguyễn Thị Huyền T là do ông K áp đặt, không đúng bản chất giao dịch giữa các bên. Thực tế chị không có vay, mượn tiền của chị T dưới bất kỳ hình thức nào, Bản án sơ thẩm buộc chị trả nợ gốc, lãi cho chị T làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị. Quá trình giải quyết vụ án, chị T2 có cung cấp chứng cứ chứng minh là các tin nhắn Zalo thể hiện đã trả đủ nợ gốc cho ông K nhưng chưa được xem xét. Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn có liên hệ điện thoại với ông Hứa Thanh K để thỏa thuận trả nợ với số tiền 150.000.000 đồng, ông K đã đồng ý.

Mặc khác, nguyên đơn không xác định được việc đưa tiền vay cho bị đơn. Bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận đề ngày 18/7/2021, với nội dung chị có mượn tiền của chị Nguyễn Thị Huyền T 200.000.000 đồng là chữ viết và chữ ký của chị; Tuy nhiên, đây là khoản tiền lãi chị nợ ông K đối với khoản vay năm 2019 chứ chị không có vay tiền của chị T, chị không biết chị T là ai. Chị đã cung cấp cho Tòa những nội dung tin nhắn trao đổi qua lại giữa ông K và chị về số tiền lãi nêu trên.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với nội dung và căn cứ kháng cáo bị đơn. Nguyên đơn cho rằng có cho chị T2 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận lãi suất 2%/năm nhưng không ghi vào biên nhận, thời hạn trả không có thỏa thuận, có làm giấy biên nhận ngày 18/7/2021. Tuy nhiên, giữa chị T2 và chị T không có quen biết nhau, chị T cho chị T2 vay là thông qua ông Hứa Thanh K là cậu của chị T, do ông K, chị T2 công tác chung cơ quan, nguyên đơn là người đưa tiền mặt cho ông K để đưa cho chị T2 vay; đối với các tin nhắn zalo qua lại giữa ông K và bị đơn là liên quan đến số tiền bị đơn vay của vợ ông K trước khi vay tiền của nguyên đơn. Việc bị đơn cho rằng có điện thoại thỏa thuận với nguyên đơn để thống nhất số tiền bị đơn trả 150.000.000 đồng thì nguyên đơn không biết, tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý thỏa thuận vì bị đơn bán nhà và nghỉ chế độ có tiền nhưng không thực hiện việc trả nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Tô Thanh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của chị Tô Thanh T2 trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét căn cứ kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm của bị đơn Tô Thanh T3 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thấy rằng: Nguyên đơn cho rằng vào năm 2021, bị đơn có vay tiền của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, có viết biên nhận đề ngày 18/7/2021. Bị đơn cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết tại biên nhận đề ngày 18/7/2021 là chữ viết và chữ ký của bị đơn. Tại phiên tòa chị T3 khai số tiền 200.000.000 đồng là khoản tiền lãi từ khoản vay giữa chị và ông K vào năm 2019 và được thể hiện qua những tin nhắn trên Zalo giữa chị và ông K. Tuy nhiên, những tài liệu, chứng cứ mà chị T3 cung cấp không thể hiện nội dung khoản vay 200.000.000 đồng của nguyên đơn là khoản tiền lãi đối với khoản vay năm 2019 của ông K được cộng lại, ngoài lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa thì bị đơn không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ pháp luật. Đối với lời trình bày của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Thanh K1 phù hợp với nội dung biên nhận ngày 18/7/2021. Chị T3 cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị viết biên nhận số tiền 200.000.000 đồng là do ông K1 ép buộc chị ghi. Do đó, đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị

đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cho thấy. Đối với số tiền 200.000.000 đồng là tiền của chị T cho chị T3 vay, ông K1 lấy tiền từ chị T giao cho chị T3, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Khi đưa tiền cho chị T3 ông K1 có nói đây là tiền của cháu ông là chị T cho chị T3 vay. Đối với số tiền này đến nay chị T3 chưa trả vốn, lãi mặc dù ông có yêu cầu nhiều lần nhưng chị T3 vẫn không trả. Nguyên đơn cũng xác định giữa ông K1 và chị T3 có nhắn tin những nội dung này và ông K1 yêu cầu chị T3 trả 200.000.000 đồng là vào ngày 20/8/2021 nên yêu cầu tính lãi từ ngày 20/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm. Như vậy, tính từ ngày 20/8/2021 đến ngày nguyên đơn khởi kiện ngày 17/9/2025 là 48 tháng 26 ngày x 10%/năm x 200.000.000 đồng bằng số tiền 81.444.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tròn số tiền là 80.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 80.000.000 đồng như án sơ thẩm tuyên là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét căn cứ yêu cầu hủy án sơ thẩm của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy hồ sơ vụ án đã thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ theo quy định pháp luật, Bản án sơ thẩm đã xem xét và nhận định khách quan tình tiết vụ việc, không có vi phạm. Do đó, kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Tô Thanh T2. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận toàn bộ.

[6] Án phí phúc thẩm chị Tô Thanh T2 phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Tô Thanh T2; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T.

Buộc bị đơn chị Tô Thanh T2 thanh toán cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T số tiền vay tổng cộng vốn và lãi là 280.000.000 đồng (*hai trăm tám mươi triệu đồng*), trong đó vốn là 200.000.000 đồng, lãi là 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T2 không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Tô Thanh T2 phải nộp số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Chị Nguyễn Thị Huyền T không phải nộp án phí. Ngày 29/9/2025 chị T đã dự nộp 9.082.000 đồng theo lai số 0000554 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm bị đơn chị Tô Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng. Đã qua chị Tô Thanh T2 có dự nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001161 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển sang thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đam